PHỤ LỤC
MẪU BÁO GIÁ THUỐC GENERIC
(Kèm theo Công văn số 3702/BV-KD ngày 23/12/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ.)

CÔNG TY
Số giấy đủ điều kiện kinh doanh dược:
Địa chỉ:
Điện thoại: ; Email:
Người liên hệ:.....Điện thoại.....email:.....

Ngày cấp: **Nơi cấp:**

Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH PHÚ THỌ

BẢNG BÁO GIÁ THUỐC GENERIC NĂM 2025-2026
Kính gửi : Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ.

STT	STT theo TT 20	Số TT theo TT03	Số TT theo TT04/24, TT05/24	Tên hoạt chất (ghi theo Thông tư 20)	Tên hoạt chất (Ghi theo GPLHSP/GPNK)	Nồng độ, Hàm lượng (theo tên hoạt chất ghi theo Thông tư 20)	Nồng độ, Hàm lượng (theo hoạt chất ghi theo GPLHSP/GPNK)	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm kỹ thuật theo TT 07/24	Đơn vị tính	Tên thuốc	SĐK/VISA hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (đã có VAT)	Công bố giá KK/KKL của Cục QLD		Giá trúng thầu từ 02/2024 đến nay					
																	Giá KK/KKL	Ngày kê khai	Giá trúng thầu 1	Các nơi trúng thầu giá thứ 1 (SYT/BV)	Giá trúng thầu 2	Các nơi trúng thầu giá thứ 2 (SYT/BV)	Giá trúng thầu 3	Các nơi trúng thầu giá thứ 3 (SYT/BV)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
1	7			Diethylene Triamine Pentaacetic acid (DTPA)		10,0 mg		Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 1	Lọ														
2	22			Human Albumin Serum (HAS, SENTI-SCINT)		1,0 mg		Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 1	Lọ														
3	28			Iode 131 (I-131)		1-200 mCi/viên		Uống	Viên nang	Nhóm 2	mCi														
4				Macro Agregated Albumin (MAA)		2,0 mg		Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 1	Lọ														
5	38			Methylene Diphosphonate (MDP)		5 mg		Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 1	Lọ														
6	47			Pyrophosphate (Pyton)		60,0 mg		Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 1	Lọ														
7	51			Sestamibi (6-methoxy isobutyl isonitrile)		0,5 mg		Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm đông khô	Nhóm 1	Lọ														
8	54			Technetium 99m (Tc-99m)		480 mCi/ Bình		Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Nhóm 2	mCi														
Tổng cộng: 08 mặt hàng																									

*** Ghi chú:**
- Từ viết tắt: TT20: Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022, **TT03:** Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024, **TT07/24**: Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024, **TT04/24:** Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024, **TT05/24**: Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ Y tế
- Cột 4: Quý đơn vị rà soát, ghi số thứ tự tương ứng Phụ lục Danh mục thuốc kèm theo Thông tư 04/2024/TT-BYT, Phụ lục I kèm theo Thông tư 05/2024/TT-BYT (nếu có), lưu ý ghi ký hiệu thông tư ở cuối để phân biệt, ví dụ: **15-TT04; 17-TT05**
- Cột 5, Cột 6: Ghi đúng tên hoạt chất theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT, Giấy phép lưu hành sản phẩm tương ứng.
- Cột 7, Cột 8: Ghi nồng độ hàm lượng tương ứng với tên hoạt chất tại Thông tư số 20/2022/TT-BYT, Giấy phép lưu hành sản phẩm**. Lưu ý** đối với thuốc có thể tích, ghi "nồng độ/hàm lượng-thể tích", kể cả thể tích 1ml, **ví dụ: 4mg/ml-1ml**
- Cột 11: Nhóm tiêu chí kỹ thuật được cấp phép, theo Thông tư số 07/2024/TT-BYT, đề nghị Quý đơn vị gửi kèm tài liệu thuyết minh về việc phân nhóm này.
- Cột 20-22-24: Chỉ điền nhiều cột khi các giá trị trúng thầu khác nhau; Trường hợp có nhiều hơn 3 mức giá trúng thầu phải ghi mức giá thấp nhất và giá cao nhất
- Cột 21-23-25: Ghi không quá 03 tên **SYT/BV**, ghi rõ số Quyết định, ngày/tháng/năm trúng thầu
Font chữ: Times New Roman. Số phải được định dạng number, sử dụng dấu (.) phân cách hàng đơn vị, dấu (,) để phân cách hàng thập phân, đơn giá chỉ để tối đa hai chữ số hàng thập phân.